

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HC-ST

Ngày: 05 - 4 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành

chính, hành vi hành chính trong lĩnh

vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ

trợ, giải phóng mặt bằng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hương;

2. Ông Nguyễn Thành Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bào Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 22 tháng 3 và ngày 5 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-HC ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử M27/2024/QĐXXST-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3590/2024/QĐST-HC ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Đặng Hoài D, sinh năm 1944.

Địa chỉ thường trú: Đường số A, khu TĐC T, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Lê Bửu Phương M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người bị kiện:**

1/ Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: phường O, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1980 – Chức vụ : Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

- Ông Trần Quốc S, sinh năm 1980 – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng tiếp dân
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T;

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1984 – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ
1 - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.

Tại phiên tòa, các đương sự: Bà Lê Bửu Phương M vắng mặt, ông Trần Quốc S có mặt. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, ông Trần Tuấn K và ông Bùi Văn T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2020, đơn khởi kiện ngày 03/02/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 11/5/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/5/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Đặng Hoài D có bà Lê Bửu Phương M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần đất có diện tích khoảng 2.000m²/10.240m² (theo bản đồ vị trí do UBND huyện T lập ngày 25/5/1992 thì diện tích là 1.980m²) thuộc thửa 587, 588, 589, tờ bản đồ số 2, xã A, huyện T (TL 299/TTg có nguồn gốc do bà Lê Thị B đứng bộ trước ngày 30/4/1975). Năm 1978, Nhà nước quản lý và cấp cho gia đình bà Võ Thị C canh tác. Năm 1986, bà B làm giấy ủy quyền cho cháu là ông Nguyễn Văn H khai thác sử dụng 10.240m² trong đó có 2.000m² này. Năm 1990 ông H có đơn khiếu nại xin lại toàn bộ khu đất. Ngày 09/8/1991, Ủy ban nhân dân xã A thu hồi phần đất 2.000m² để giao cho ông Nguyễn Văn H và ông H sẽ bồi hoàn công khai phá gìn giữ đất đai cho ông Đặng Hoài N (con bà C) với số tiền 1.000.000 đồng. Bà C khiếu nại, ngày 07/7/1998, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UB-QLĐT về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị C với ông Nguyễn Ngọc H, với nội dung bác toàn bộ nội dung đơn của bà Võ Thị C khiếu nại xin lại phần đất diện tích 2.000m² do ông Nguyễn Ngọc H sử dụng, bà C tiếp tục khiếu nại. Ngày 04/9/1999, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD theo đó giữ nguyên Quyết định 1091/QĐ-UB-QLĐT, bà C vẫn tiếp tục khiếu nại. Ngày 19/4/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1679/QĐ-UB về việc phúc tra Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01/8/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2979/QĐ-UB, với nội dung:

“Điều 1. Nay sửa đổi Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung sau:

- Thu hồi phần đất 1.980m² (trừ phần đất 327,18m² đã bị giải tỏa) do Công ty xây dựng M đang quản lý vì nhận sang nhượng trái phép với ông Nguyễn Văn H.

- Giao Ủy ban nhân dân quận N quản lý phần đất còn lại để sử dụng vào mục đích công cộng tại địa phương (sau khi đã trừ phần đất bị thu hồi trong dự án Đại lộ Đông - Tây).

- Giao Ủy ban nhân dân quận N tính toán chi trả cho gia đình bà Võ Thị C 20 lượng vàng 24K (có tính trượt giá số tiền 20.000.000 đồng ông Đặng Hoài N đã nhận của ông Nguyễn Văn H). Nguồn chi lấy từ số tiền 65.436.000 đồng (16.359.000 đồng + 49.077.000 đồng) đối với phần đất 327,18m²/1.980m² đã bị giải tỏa trong dự án đường song hành Xa lộ Hà Nội, cộng với số tiền đền bù phần đất khoảng 1.200m²/1.980m² bị giải tỏa trong dự án Đại lộ Đông - Tây. Số tiền này còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Việc tranh chấp số tiền sang nhượng đối với phần đất 1.980m² giữa ông Nguyễn Văn H với gia đình bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn H với Công ty Xây dựng M (nếu có) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân”. Ông D tiếp tục khiếu nại.

Ngày 24/11/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 7196/UB-PC về trả lời đơn xin cứu xét của ông Đặng Hoài D, với nội dung: *“giữ nguyên Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 01/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Ông nghiêm túc chấp hành quyết định này”*. Ông D vẫn khiếu nại.

Trong thời gian khiếu nại, năm 1998 Ủy ban nhân dân Quận N thu hồi diện tích 327,18m² để thực hiện dự án song hành Xa lộ Hà Nội. Ngày 18/5/2004, Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 2723/QĐ-UB về việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng phần đất diện tích 1.035,926m² thuộc thửa 587, 588, 589, tờ bản đồ số 2, phường A thuộc dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây, do Ủy ban nhân dân Quận N đứng tên với số tiền 300.770.600 đồng nhưng gia đình Ông D không được nhận bất kỳ khoản bồi thường nào. Năm 2013 Ủy ban nhân dân Quận N đã trả cho Ông D 564.091.910 đồng (gồm: 563.970.000 đồng và tiền lãi phát sinh 121.910 đồng) trên cơ sở Quyết định 2979/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/4/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Đặng Hoài D, với nội dung:

“Điều 1. Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 01/8/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sửa đổi Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung như sau:

- Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 390,1m², thuộc một phần thửa 20, tờ bản đồ số 13 (theo Bản đồ địa chính năm 2003), phường A, Quận N cho gia đình ông Đặng Hoài D.

- Giao Ủy ban nhân dân quận N xem xét tính toán, bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất và hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích 1.580m² đất mà Nhà nước đã thu hồi để mở rộng Xa lộ Hà Nội, xây dựng Đại lộ Đông - Tây và phần diện tích đất nằm trong lộ giới Xa lộ Hà Nội. Trong đó, có xem xét cân trừ đối với số tiền 564.091.910 đồng mà ông Đặng Hoài D đã nhận ngày 16/10/2013.”

Ngày 07/02/2020, Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 230/QĐ-UBND về điều chỉnh Biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10/7/1999 và Bảng chiết tính giá trị đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16/10/2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N, với nội dung:

“- Điều chỉnh đối tượng đứng tên hồ sơ và nhận bồi thường, hỗ trợ từ “Ủy ban nhân dân quận N” thành “ông Đặng Hoài D (đại diện các đồng thừa kế của bà Võ Thị C đã chết)”.

- Điều chỉnh số tiền bồi thường, hỗ trợ từ: “327,18m² x 200.000 đồng/m² = 65.436.000 đồng” thành “327,18m² + 216,894m² x 200.000 đồng/m² = 108.814.800 đồng (Bảng chữ: Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm mười bốn ngàn, tám trăm đồng)”.

Và Quyết định số 231/QĐ-UBND về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, đính kèm Bảng xác lập tính toán bồi thường, hỗ trợ ngày 25/3/2004 đối với phần diện tích 1.035,926m² trong dự án xây dựng Đại lộ Đông - Tây từ “Ủy ban nhân dân quận N” thành “ông Đặng Hoài D (đại diện các đồng thừa kế của bà Võ Thị C đã chết)”. Các quyết định nêu trên là không bảo đảm quyền lợi của Ông D nên ông khởi kiện, yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Chủ tịch UBND Quận N về việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng căn nhà (phần đất) số thửa 588, 589, 587 – tờ 2 – phường A – Quận N;

- Hủy Quyết định 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N về điều chỉnh biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10 tháng 7 năm 1999 và bảng chiết tính trị giá đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16 tháng 10 năm 2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà

Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N;

- Hủy Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

- Yêu cầu buộc thực hiện hành vi công vụ, ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất theo giá đất ở theo đúng quy định pháp luật.

Lý do: Ông D chưa nhận được quyết định thu hồi và tiền bồi thường thu hồi đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi, diện tích 1.580m².

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến tại văn bản số 4385/UBND-BBT ngày 12/7/2022, nội dung như sau:*

Phần đất diện tích 1.580m² thuộc phường A, quận N nay là Thành phố T mà bà Võ Thị C có ông Đặng Hoài D nhận thừa kế theo Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Đặng Hoài D, thực tế diện tích thu hồi của 02 dự án: diện tích 327,18m² thuộc dự án đường song hành Xa lộ Hà Nội, giai đoạn 1 và diện tích 1.035,926m² thuộc dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông – Tây. Ủy ban nhân dân Quận N trước đây đã có văn bản xin ý kiến Thành phố về điều chỉnh lại diện tích nhưng không được chấp nhận. Do đó ngày 07/02/2020, Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 230/QĐ-UBND về điều chỉnh Biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10/7/1999 và Bảng chiết tính giá trị đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16/10/2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N, với nội dung:

“- Điều chỉnh đối tượng đứng tên hồ sơ và nhận bồi thường, hỗ trợ từ “Ủy ban nhân dân quận N” thành “ông Đặng Hoài D (đại diện các đồng thừa kế của bà Võ Thị C đã chết)”.

- Điều chỉnh số tiền bồi thường, hỗ trợ từ: “327,18m² x 200.000 đồng/m² = 65.436.000 đồng” thành “327,18m² + 216,894m² x 200.000 đồng/m² = 108.814.800 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm mười bốn ngàn, tám trăm đồng)”.

Ngày 07/02/2020, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 231/QĐ-UBND về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, đính kèm Bảng xác lập tính toán bồi thường, hỗ trợ ngày 25/3/2004 đối với phần diện tích 1.035,926m² trong dự án xây dựng Đại lộ Đông - Tây từ “Ủy ban nhân dân quận N” thành “ông Đặng Hoài D (đại diện các đồng thừa kế của bà Võ Thị C đã chết)”.

Các quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân Quận N (nay là Thành phố T) là đúng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:* Phần diện tích đất mà ông Đặng Hoài D khởi kiện, Ủy ban nhân dân Quận N (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) đã ban hành quyết định bồi thường và chi trả tiền bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt tại phiên tòa ngày 15/3/2024, vắng mặt ngày 22/3/2024 và ngày 05/4/2024. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung: Trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy toàn bộ diện tích 1.580m² thuộc phường A, Quận N nay là Thành phố T từ khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 thì Ủy ban nhân dân Quận N nay là Thành phố T chưa thực hiện việc bồi thường cho Ông D là lỗi của Ủy ban, Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 Ủy ban nhân dân Quận N vẫn áp giá bồi thường theo Quyết định 75/2000/QĐ-UB-NC ngày 29/12/2000 là không phù hợp, tương tự đối với phần diện tích 1.035,926m² thuộc dự án Đại lộ Đông – Tây, tuy nhiên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường một phần đất ở cho Ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông D: Hủy Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020, Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N (nay là Thành phố T). Buộc Ủy ban nhân dân Quận N (nay là Thành phố T) thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đặng Hoài D theo đúng quy định pháp luật. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoài D về việc hủy Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N (nay là Thành phố T) vì tại thời điểm ban hành, Ủy ban nhân dân Quận N đã thực hiện đúng theo Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 01/8/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là bồi thường cho Ủy ban nhân dân Quận N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Ông Đặng Hoài D khởi kiện, yêu cầu hủy: Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N về việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng căn nhà (phần đất) số thửa 588, 589, 587 - tờ 2 – phường A - Quận N, Quyết định 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N về điều chỉnh biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10 tháng 7 năm 1999 và bảng chiết tính trị giá đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16 tháng 10 năm 2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N và Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 7/2/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Yêu cầu buộc thực hiện hành vi công vụ, ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất theo giá đất ở theo đúng quy định pháp luật là các Quyết định hành chính cá biệt và hành vi hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu: Điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính quy định về thời hiệu khởi kiện là “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”.

Xét các Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 và Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 7/2/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh được Ông D nộp đơn khởi kiện ngày 11/01/2021 nên còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là ông Trần Tuấn K và ông Bùi Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

Ông Đặng Hoài N, ông Đặng Hoài D là người thừa kế của bà Võ Thị C, căn cứ văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 21/5/2012 tại văn phòng công chứng T của ông Đặng Hoài N và ông Đặng Hoài D, văn bản từ chối nhận di sản ngày 13/11/2017 của ông Đặng Hoài N đối với quyền và nghĩa vụ được bồi thường thiệt hại từ diện tích 1.580m² đất thu hồi để mở rộng xa lộ Hà Nội, xây dựng Đại lộ Đông Tây, văn bản khai nhận di sản ngày 01/02/2018 tại Văn phòng công chứng T của ông Đặng Hoài D. Ông N không còn liên quan đến tài sản này nên không cần thiết đưa ông N vào tham gia tố tụng.

[2] Xét nội dung khởi kiện: Ông Đặng Hoài D yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, Quyết định 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 và Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện hành vi công vụ, ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường quyền sử dụng đất theo giá đất ở đối với một phần đất theo hạn mức theo đúng quy định pháp luật vì cho rằng Ủy ban nhân dân Quận N nay là Thành phố T chưa thực hiện việc bồi thường đối với phần đất diện tích 1.580m² theo Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Đặng Hoài D. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về thẩm quyền:

Căn cứ:

- Quyết định số 1475/QĐ-UB-KT ngày 20/3/1998 và Quyết định số 1476/QĐ-UB-KT ngày 20/3/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đầu tư dự án xây dựng tuyến đường Bắc và Nam Xa lộ Hà Nội;

- Quyết định số 75/2000/QĐ-UB-NC ngày 29/12/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng hai tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội, trạm thu phí và nút giao thông ở chân cầu Sài Gòn trên địa bàn Quận N, Quận V, quận T;

- Quyết định số 143/2002/QĐ-UB-NC ngày 04/12/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bổ sung Quyết định số 75/2000/QĐ-UB-NC ngày 29/12/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng hai tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội, trạm thu phí và nút giao thông ở chân cầu Sài Gòn trên địa bàn Quận N, Quận V, quận T;

Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N về điều chỉnh biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10 tháng 7 năm 1999 và bảng chiết tính trị giá đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16 tháng 10 năm 2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N.

Căn cứ:

- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 05/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi và giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 40/2001/QĐ-UB ngày 15/5/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 4492/QĐ-UB ngày 25/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác thuộc phạm vi dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn Quận E, Quận N, Quận P, Quận G, Quận S và huyện B;

- Quyết định số 71/2001/QĐ-UB ngày 29/8/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định đơn giá các loại đất và các loại cây trồng để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại và sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Bản quy định kèm theo Quyết định số 40/2001/QĐ-UB ngày 15/5/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 2175/QĐ-UB ngày 21/5/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây trên địa bàn Quận N (*Phương án số 34/PA-UB ngày 02/5/2002 của Hội đồng bồi thường dự án*).

- Quyết định số 4344/QĐ-UB ngày 13/10/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Phương án 34/PA-UB ngày 02/5/2002;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N thay mặt Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18 tháng 5 năm 2004 về việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng căn nhà (phần đất) số thửa 588, 589, 587 - tờ 2 – phường A - Quận N, và Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 7/2/2020 về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Các Quyết định nêu trên được Ủy ban nhân dân Quận N ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Luật đất đai năm 1993.

[2.2] Xét về nội dung khởi kiện: Người khởi kiện cho rằng chưa nhận tiền bồi thường đối với diện tích 1.580m² tại phường A, Quận N nay là Thành phố T theo Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Đặng Hoài D. Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất diện tích 1.980m² thuộc thửa 587, 588, 589, tờ bản đồ số 2, phường A quận N nay là Thành phố T mà bà Võ Thị C có ông Đặng Hoài D nhận thừa kế theo Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về giải quyết khiếu nại của ông Đặng Hoài D, trong đó có 1.580m² bị thu hồi để thực hiện 02 dự án: dự án đường

song hành Xa lộ Hà Nội, giai đoạn 1 và dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông – Tây, phần còn lại đã được cấp quyền sử dụng đất cho Ông D. Việc thu hồi đất và bồi thường diễn ra trong giai đoạn có tranh chấp giữa bà Võ Thị C (mẹ Ông D) và ông Nguyễn Văn H, theo đó bà C khiếu nại xin lại phần đất 1.980m² hoặc ông H phải trả cho bà C 20 lượng vàng 24K để sử dụng phần đất trên, từ đó phát sinh tranh chấp.

Ngày 20/12/1992, ông Nguyễn Văn H sang nhượng phần đất 1.980m² cho Công ty xây dựng M làm bãi đổ vật tư. Năm 1998, Nhà nước thu hồi phần đất 327,18m²/1.980m² để thực hiện dự án đường song hành Xa lộ Hà Nội và Công ty xây dựng M đã nhận đền bù với số tiền 16.359.000 đồng.

Ngày 07/7/1998, Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UB-QLĐT về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị C với ông Nguyễn Ngọc H, với kết quả bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Võ Thị C xin lại phần đất diện tích 2.000m² do ông Nguyễn Ngọc H sử dụng. Ông D khiếu nại. Ngày 04/9/1999, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD về việc giải quyết đơn của ông Đặng Hoài D (con bà Võ Thị C), theo đó công nhận nội dung Quyết định số 1091/QĐ-UB-QLĐT ngày 07/7/1998 của Ủy ban nhân dân Quận N.

Ngày 19/4/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1679/QĐ-UB về việc phúc tra Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16/10/2003, Hội đồng đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng lập Bảng chiết tính số 120/BCT-ĐB về giá trị bồi thường bổ sung đối với phần diện tích 327,18m² do Ủy ban nhân dân quận N đứng tên với số tiền 49.077.000 đồng. Số tiền này đã được nộp vào ngân sách Quận N theo giấy nộp tiền ngày 30/10/2003.

Ngày 01/8/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2979/QĐ-UB, với nội dung:

“Điều 1. Nay sửa đổi Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung sau:

- Thu hồi phần đất 1.980m² (trừ phần đất 327,18m² đã bị giải tỏa) do Công ty xây dựng M đang quản lý vì nhận sang nhượng trái phép với ông Nguyễn Văn H.

- Giao Ủy ban nhân dân quận N quản lý phần đất còn lại để sử dụng vào mục đích công cộng tại địa phương (sau khi đã trừ phần đất bị thu hồi trong dự án Đại lộ Đông - Tây).

- Giao Ủy ban nhân dân quận N tính toán chi trả cho gia đình bà Võ Thị C 20 lượng vàng 24K (có tính trượt giá số tiền 20.000.000 đồng ông Đặng Hoài N đã nhận của ông Nguyễn Văn H). Nguồn chi lấy từ số tiền 65.436.000 đồng (16.359.000 đồng + 49.077.000 đồng) đối với phần đất 327,18m²/1.980m² đã bị

giải tỏa trong dự án đường song hành Xa lộ Hà Nội, cộng với số tiền đền bù phần đất khoảng 1.200m²/1.980m² bị giải tỏa trong dự án Đại lộ Đông - Tây. Số tiền này còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Việc tranh chấp số tiền sang nhượng đối với phần đất 1.980m² giữa ông Nguyễn Văn H với gia đình bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn H với Công ty Xây dựng M (nếu có) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân”. Không đồng ý với quyết định này, Ông D tiếp tục khiếu nại.

Ngày 25/3/2004, Hội đồng bồi thường dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây lập Phương án số 497/PA-BBT về tính toán chi phí trả đền bù, hỗ trợ thiệt hại di dời và phương án tính toán chi trả trong dự án Đại lộ Đông - Tây, do Ủy ban nhân dân quận N đứng tên.

Ngày 18/5/2004, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 2723/QĐ-UB về việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng phần đất diện tích 1.035,926m² thuộc thửa 587, 588, 589, tờ bản đồ số 2, phường A thuộc dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây, do Ủy ban nhân dân Quận N đứng tên với số tiền 300.770.600 đồng và được nộp vào ngân sách Quận N. Ông D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định này của Ủy ban nhân dân Quận N là không có căn cứ bởi lẽ vì Quyết định nêu ban hành để thực hiện Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 01/8/2003 có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không có cơ sở để chấp nhận.

Theo văn bản phân chia di sản thừa kế của bà Võ Thị C có số công chứng 03919 ngày 21/5/2012 tại Văn phòng công chứng T thì ông Đặng Hoài D là người thừa kế di sản do bà Võ Thị C để lại (di sản là 20 lượng vàng 24K theo Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 01/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) nên Ông D đã đồng ý tính trượt giá số tiền 20.000.000 đồng tại thời điểm ông Đặng Hoài N nhận của ông Nguyễn Văn H (thời điểm 30/11/1991) là 3,5 lượng vàng (giá vàng 5.660.000 đồng/lượng). Số vàng còn lại quy đổi tại thời điểm ngày 23/9/2013 là: 16,5 lượng x 34.180.000 đồng/lượng 24K = 563.970.000 đồng, tiền lãi phát sinh 121.910 đồng, Ông D Đạt đã nhận toàn bộ số tiền 564.091.910 đồng. Mặc dù số tiền này lấy từ tiền bồi thường do Ủy ban nhân dân Quận N giữ nhưng không phải là tiền bồi thường do đất bị thu hồi, mà là tiền giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/4/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Đặng Hoài D, với nội dung:

“Điều 1. Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 01/8/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sửa đổi Quyết định số 5092/QĐ-UB-TD ngày 04/9/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung như sau:

- Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích $390,1m^2$, thuộc một phần thửa 20, tờ bản đồ số 13 (theo Bản đồ địa chính năm 2003), phường A, Quận N cho gia đình ông Đặng Hoài D.

- Giao Ủy ban nhân dân quận N xem xét tính toán, bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất và hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích $1.580m^2$ đất mà Nhà nước đã thu hồi để mở rộng Xa lộ Hà Nội, xây dựng Đại lộ Đông - Tây và phần diện tích đất nằm trong lộ giới Xa lộ Hà Nội. Trong đó, có xem xét cân trừ đối với số tiền 564.091.910 đồng mà ông Đặng Hoài D đã nhận ngày 16/10/2013.”

Ngày 07/02/2020, Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 230/QĐ-UBND về điều chỉnh Biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10/7/1999 và Bảng chiết tính giá trị đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16/10/2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N, với nội dung:

“- Điều chỉnh đối tượng đứng tên hồ sơ và nhận bồi thường, hỗ trợ từ “Ủy ban nhân dân quận N” thành “ông Đặng Hoài D (đại diện các đồng thừa kế của bà Võ Thị C đã chết)”.

- Điều chỉnh số tiền bồi thường, hỗ trợ từ: $327,18m^2 \times 200.000 \text{ đồng}/m^2 = 65.436.000 \text{ đồng}$ thành $327,18m^2 + 216,894m^2 \times 200.000 \text{ đồng}/m^2 = 108.814.800 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm mười bốn ngàn, tám trăm đồng)”.

Ngày 07/02/2020, Ủy ban nhân dân Quận N ban hành Quyết định số 231/QĐ-UBND về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N, đính kèm Bảng xác lập tính toán bồi thường, hỗ trợ ngày 25/3/2004 đối với phần diện tích $1.035,926m^2$ trong dự án xây dựng Đại lộ Đông - Tây từ “Ủy ban nhân dân quận N” thành “ông Đặng Hoài D (đại diện các đồng thừa kế của bà Võ Thị C đã chết)” và cho rằng đã thực hiện Quyết định 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm ban hành Quyết định 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 thì Quyết định số 2979/QĐ-UB ngày 01/8/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định giao phần đất này cho Ủy ban nhân dân Quận N, do đó Ủy ban nhân dân Quận N đứng tên nhận bồi thường là đúng, Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 không quy định hồi tố, mà yêu cầu “Ủy ban nhân dân quận N xem xét tính toán, bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất và hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích $1.580m^2$ đất mà Nhà nước đã thu hồi để mở rộng Xa lộ Hà Nội, xây dựng Đại lộ Đông - Tây và phần diện tích đất nằm trong lộ giới Xa lộ Hà Nội” và thực hiện việc “cân trừ đối với số tiền 564.091.910 đồng mà ông Đặng Hoài D đã nhận ngày 16/10/2013”.

Sự việc kéo dài đến ngày 07/02/2020, Ủy ban nhân dân Quận N mới ban hành Quyết định số 230/QĐ-UBND về điều chỉnh Biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10/7/1999 và Bảng chiết tính giá trị đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16/10/2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N bồi thường tăng diện tích và Quyết định số 231/QĐ-UBND nhằm chuyển tên từ Ủy ban nhân dân Quận N sang cho Ông D là không có căn cứ pháp lý, không bảo đảm quyền lợi hợp pháp và không đúng theo nội dung Quyết định 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, quyền hưởng bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà C chỉ phát sinh từ ngày 06/4/2015, các thông báo, quyết định đền bù thiệt hại trước đó không ban hành đối với Ông D nên việc điều chỉnh tên và cho rằng đã thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho Ông D là không đúng nên việc Ông D yêu cầu hủy các Quyết định số Quyết định 230/QĐ-UBND, Quyết định 231/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N là có cơ sở.

Như đã nhận định ở phần trên, việc Ông D cho rằng ông chưa nhận tiền bồi thường đối với diện tích 1.580m² là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là lỗi của các cơ quan nhà nước.

Bà Mai đại diện của Ông D cho rằng Ông D phải được bồi thường một phần đất ở theo hạn mức. Tuy nhiên phía người khởi kiện không có chứng cứ chứng minh phần đất bị thu hồi có một phần đất được sử dụng vào mục đích để ở, mặt khác biên bản kiểm kê, bản vẽ thu hồi đất đều thể hiện đất trống do đó Ủy ban nhân dân Quận N xác định diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp là có căn cứ, yêu cầu của Ông D không có cơ sở để chấp nhận.

Phần đất của Ông D có một phần 544,074m² thuộc dự án Song hành xa lộ Hà Nội và 1.035,926m² thuộc dự án Đại lộ Đông tây. Cả 2 dự án đều thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 1993, thực hiện theo Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998. Luật Đất đai năm 2003 và 2013 quy định điều khoản chuyển tiếp thuộc trường hợp thực hiện theo Luật đất đai trước ngày 01/7/2014 và phương án đã phê duyệt.

Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 và thay thế Nghị định 22/1998/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 1993, Nghị định 197/2004/NĐ-CP được sửa đổi một phần bởi Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Theo đó:

Khoản 2 Điều 50 Nghị định 197/2004/NĐ-CP quy định: “*Nghị định này thay thế cho Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Các quy định trước đây về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trái với Nghị định này đều bãi bỏ*”.

Điểm b khoản 4 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP quy định “*Trường hợp do chậm chi trả hoặc chậm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ được giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP*”;

Điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP quy định “*Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau: Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi*”.

Như đã nhận định ở phần trên, đến thời điểm xét xử, Ủy ban nhân dân thành phố T chưa thực hiện việc bồi thường cho Ông D, do đó phải bồi thường cho Ông D theo giá đất tại thời điểm bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004.

Thời điểm ban hành quyết định số 230/QĐ-UBND là năm 2020, theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất của Ông D bị thu hồi thuộc khu vực 1, vị trí 1 giá đất là 300.000 đồng/m², đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường được tính bằng 150% đất nông nghiệp cùng khu vực của cùng loại đất. Ủy ban nhân dân Quận N căn cứ theo Quyết định số 75/2000/QĐ-UBND ngày 29/12/2000 là tính giá đất 19.300 đồng/m² (quy định tại quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố) x (K=7,77) = 150.000 đồng/m² là không đúng, mà phải bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường, do đó phải hủy quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020, buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất 1.580m² đất tại phường A, Quận N nay là Thành phố T theo đơn giá đất tại thời điểm bồi thường, thì mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Ông D.

Tại phiên tòa ngày 15/3/2024, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoài D về việc hủy Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Ủy ban nhân dân Quận N (nay là Thành phố T), do Ủy ban Quận N nay là Thành phố T chưa thực hiện việc bồi thường cho Ông D theo Quyết định 1489/QĐ-UBND ngày 06/4/2015, vì vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP phải tính lại toàn bộ diện tích đất thu hồi theo giá đất của Quyết định 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nên phải hủy các Quyết định 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020, Quyết định 231/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy yêu cầu của người khởi kiện có căn cứ để chấp nhận một phần.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đặng Hoài D không phải chịu án phí, Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116; Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 1993;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoài D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận N về việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng căn nhà (phần đất) số thửa 587, 588, 589 - tờ bản đồ số 2 - phường A - Quận N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoài D:

- Hủy Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N về điều chỉnh biên bản trị giá đền bù số 120/BB-ĐB ngày 10 tháng 7 năm 1999 và bảng chiết tính trị giá đền bù bổ sung số 120/BCT-ĐB ngày 16 tháng 10 năm 2003 trong dự án xây dựng 02 tuyến đường song hành Xa lộ Hà Nội (giai đoạn 1), phường A, Quận N.

- Hủy Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của Ủy ban nhân dân Quận N về điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2723/QĐ-UB ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hành vi công vụ: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với diện tích 1.580m² thuộc thửa 587, 588, 589, tờ bản đồ số 2, phường A, Quận N nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đặng Hoài D theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Về công khai bản án: Bản án sẽ được công khai trên cổng thông tin điện tử sau khi có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Vũ Trọng Đan